

Số: 12/VBHN-NHNN

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2023

THÔNG TƯ

QUY ĐỊNH VỀ MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG LÀ HỢP TÁC XÃ

Thông tư số 09/2018/TT-NHNN ngày 30 tháng 03 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng là hợp tác xã, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 06 năm 2018, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 27/2022/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) ban hành Thông tư quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng là hợp tác xã[\[1\]](#).

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về điều kiện, hồ sơ và thủ tục thành lập, chấm dứt hoạt động, giải thể, thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng hợp tác xã, phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân; mở, chấm dứt hoạt động điểm giới thiệu dịch vụ của quỹ tín dụng nhân dân.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức tín dụng là hợp tác xã gồm ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.

2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến thành lập, chấm dứt hoạt động, giải thể, thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và đơn vị sự nghiệp của ngân hàng hợp tác xã, phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân; mở, chấm dứt hoạt động điểm giới thiệu dịch vụ của quỹ tín dụng nhân dân.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong thông tư này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Mạng lưới hoạt động của ngân hàng hợp tác xã bao gồm chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước, văn phòng đại diện ở nước ngoài.

2. Mạng lưới hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân bao gồm phòng giao dịch.

3. Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc ngân hàng hợp tác xã, có con dấu, có nhiệm vụ thực hiện một hoặc một số chức năng của ngân hàng hợp tác xã theo quy định nội bộ và quy định của pháp luật.

4. Phòng giao dịch của ngân hàng hợp tác xã là loại hình chi nhánh, đơn vị phụ thuộc ngân hàng hợp tác xã, được quản lý bởi một chi nhánh của ngân hàng hợp tác xã, có con dấu, có địa điểm đặt trụ sở trên địa bàn hoạt động của chi nhánh quản lý, có nhiệm vụ thực hiện một hoặc một số chức năng của ngân hàng hợp tác xã theo quy định nội bộ và quy định của pháp luật.

5. Văn phòng đại diện là đơn vị phụ thuộc ngân hàng hợp tác xã, có con dấu, thực hiện chức năng đại diện theo ủy quyền của ngân hàng hợp tác xã. Văn phòng đại diện không được thực hiện hoạt động kinh doanh.

6. Đơn vị sự nghiệp là đơn vị phụ thuộc ngân hàng hợp tác xã, có con dấu, thực hiện một hoặc một số hoạt động hỗ trợ hoạt động kinh doanh của ngân hàng hợp tác xã.

7. Phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân là loại hình chi nhánh, đơn vị phụ thuộc quỹ tín dụng nhân dân, có con dấu, có địa điểm đặt trụ sở trên địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân, có nhiệm vụ thực hiện một hoặc một số chức năng của quỹ tín dụng nhân dân theo quy định nội bộ và quy định của pháp luật.

8. Thời điểm đề nghị là ngày, tháng, năm ghi trên văn bản đề nghị thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng hợp tác xã; phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân.

Điều 4. Thẩm quyền của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước^[2]

Căn cứ mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội, chính trị, an ninh, quốc phòng và định hướng phát triển ngành ngân hàng trong từng thời kỳ, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước:

1. Xem xét chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước, văn phòng đại diện ở nước ngoài; chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh; bắt buộc chấm dứt hoạt động, giải thể phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước của ngân hàng hợp tác xã theo quy định tại Thông tư này.

2. Ủy quyền cho Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh):

a) Chấp thuận hoặc không chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch ngân hàng hợp tác xã trên địa bàn (bao gồm cả trường hợp thay đổi địa điểm trước khi khai trương hoạt động);

b) Chấp thuận hoặc không chấp thuận chấm dứt hoạt động, giải thể phòng giao dịch ngân hàng hợp tác xã trên địa bàn (trong trường hợp tự nguyện chấm dứt hoạt động);

c) Chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị thành lập, thay đổi địa điểm đặt trụ sở, chấm dứt hoạt động, giải thể phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn;

d) Đình chỉ việc khai trương hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch của ngân hàng hợp tác xã, phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn trong trường hợp chưa đáp ứng đủ yêu cầu khai trương hoạt động.

Điều 5. Nội dung hoạt động của đơn vị sự nghiệp, phòng giao dịch của ngân hàng hợp tác xã và quy định phòng giao dịch, điểm giới thiệu dịch vụ của quỹ tín dụng nhân dân

1. Đơn vị sự nghiệp của ngân hàng hợp tác xã thực hiện một hoặc một số hoạt động hỗ trợ hoạt động kinh doanh của ngân hàng hợp tác xã, bao gồm:

a) Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ ngân hàng cho ngân hàng hợp tác xã;

b) Đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ thuật công nghệ thông tin cho cán bộ, nhân viên của ngân hàng hợp tác xã và quỹ tín dụng nhân dân thành viên;

c) Lưu trữ cơ sở dữ liệu, thu thập, xử lý thông tin phục vụ hoạt động kinh doanh của ngân hàng hợp tác xã;

d) Các hoạt động khác hỗ trợ hoạt động kinh doanh của ngân hàng hợp tác xã phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng của phòng giao dịch của ngân hàng hợp tác xã đối với một khách hàng không phải là quỹ tín dụng nhân dân thành viên không được vượt quá 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) sau khi đã đáp ứng đầy đủ nhu cầu điều hòa vốn của quỹ tín dụng nhân dân.

3. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng của phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân đối với một khách hàng đảm bảo tuân thủ theo quy định về giới hạn cấp tín dụng tại Luật Các tổ chức tín dụng, các quy định pháp luật có liên quan và không được vượt quá 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

4. Quỹ tín dụng nhân dân quyết định việc mở, chấm dứt hoạt động điểm giới thiệu dịch vụ trên địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân theo các nội dung sau:

a) Hoạt động của điểm giới thiệu dịch vụ bao gồm: Nghiên cứu, tìm hiểu, giới thiệu khách hàng; Tư vấn, hướng dẫn cho khách hàng về sản phẩm, dịch vụ, hồ sơ vay vốn. Điểm giới thiệu dịch vụ không được huy động vốn, cho vay, thu, trả lãi và thực hiện các hoạt động kinh doanh khác;

b) Quỹ tín dụng nhân dân chịu trách nhiệm về hoạt động của điểm giới thiệu dịch vụ, bảo đảm thông tin cung cấp, tư vấn cho khách hàng tại các điểm giới thiệu dịch vụ được thống nhất, đầy đủ và trung thực;

c) Quỹ tín dụng nhân dân phải ký hợp đồng về địa điểm mở điểm giới thiệu dịch vụ, trong đó có nêu trách nhiệm, quyền hạn của các bên liên quan và thời hạn hiệu lực của hợp đồng hoặc có thỏa thuận sử dụng địa điểm;

d) Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày mở, chấm dứt hoạt động điểm giới thiệu dịch vụ, quỹ tín dụng nhân dân thông báo bằng văn bản gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính.

Điều 6. Địa bàn hoạt động, tên chi nhánh, phòng giao dịch

1. Địa bàn hoạt động:

a) Đối với ngân hàng hợp tác xã:

(i) Chi nhánh của ngân hàng hợp tác xã hoạt động trong phạm vi một hoặc một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được quy định cụ thể trong văn bản chấp thuận thành lập chi nhánh của Ngân hàng Nhà nước;

(ii) Phòng giao dịch của ngân hàng hợp tác xã hoạt động trong phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và trên địa bàn hoạt động của chi nhánh quản lý.

b) Đối với quỹ tín dụng nhân dân:

Phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân hoạt động trên địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân.

2. Tên chi nhánh, phòng giao dịch của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân phải đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan và được đặt như sau:

a) Tên chi nhánh: Ngân hàng Hợp tác xã - Chi nhánh “tên chi nhánh”;

b) Tên phòng giao dịch:

(i) Ngân hàng Hợp tác xã - Chi nhánh “tên chi nhánh” (là chi nhánh quản lý phòng giao dịch) - Phòng giao dịch “tên phòng giao dịch” hoặc Ngân hàng Hợp tác xã - Phòng giao dịch “tên phòng giao dịch”;

(ii) Quỹ tín dụng nhân dân “tên Quỹ tín dụng nhân dân” - Phòng giao dịch “tên phòng giao dịch”.

Điều 7. Số lượng chi nhánh, phòng giao dịch

1. Đối với ngân hàng hợp tác xã:

a) Trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, ngân hàng hợp tác xã được thành lập 01 chi nhánh;

b) Ngân hàng hợp tác xã được thành lập mới không quá 05 chi nhánh 01 năm;

c) Một chi nhánh không quản lý quá 03 phòng giao dịch.

2. Đối với quỹ tín dụng nhân dân:

Quỹ tín dụng nhân dân được thành lập 01 phòng giao dịch trên địa bàn một xã, phường, thị trấn.

Điều 8. Nguyên tắc lập hồ sơ, gửi thông báo

1. Hồ sơ phải được lập bằng tiếng Việt. Các tài liệu trong hồ sơ phải là bản chính hoặc bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu theo quy định của pháp luật. Trong mỗi bộ hồ sơ phải có danh mục tài liệu.

2. Các văn bản của tổ chức tín dụng là hợp tác xã gửi Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh[3] theo quy định tại Thông tư này phải do người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng là hợp tác xã ký.

3. Hồ sơ, văn bản thông báo, đề nghị của tổ chức tín dụng là hợp tác xã được gửi tới Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh[4] bằng hình thức trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

Điều 9. Quy chế về quản lý mạng lưới

1. Ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân phải xây dựng Quy chế về quản lý mạng lưới để đảm bảo hoạt động an toàn, hiệu quả, phù hợp với năng lực quản lý của từng loại đơn vị mạng lưới và phù hợp với quy định của pháp luật, gồm các nội dung tối thiểu như sau:

- a) Cơ cấu tổ chức, nhân sự;
- b) Nội dung, phạm vi hoạt động, cơ chế hạch toán, kế toán;
- c) Hạn mức cho từng nghiệp vụ đối với một khách hàng, nhóm khách hàng và tất cả khách hàng; các giới hạn cho từng loại rủi ro;
- d) Cơ chế quản lý, giám sát của trụ sở chính, chi nhánh đối với đối tượng thuộc mạng lưới để đảm bảo an toàn, hiệu quả hoạt động, an toàn chuyên tiền và kho quỹ;
- đ) Tiêu chuẩn, điều kiện của Giám đốc, Phó Giám đốc chi nhánh, Trưởng phòng giao dịch, Trưởng các bộ phận chuyên môn, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện hoặc các chức danh tương đương đảm bảo đủ năng lực chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp để điều hành công việc như đối với các chức danh tương đương tại trụ sở chính.

2. Quy chế cần quy định cụ thể về hạn mức hoạt động nghiệp vụ đối với chi nhánh, phòng giao dịch và hoạt động của phòng giao dịch phải hạn chế hơn chi nhánh đảm bảo phù hợp năng lực quản trị và quy mô hoạt động.

3. Quy chế phải quy định cụ thể đối với các đơn vị mạng lưới hoạt động ở nước ngoài.

4. Quy chế phải được rà soát định kỳ đảm bảo phù hợp với những thay đổi của các đơn vị mạng lưới và những thay đổi của thị trường.

5. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày ban hành Quy chế về quản lý mạng lưới, ngân hàng hợp tác xã phải gửi Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng), Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi ngân hàng hợp tác xã đặt trụ sở chính; quỹ tín dụng nhân dân phải gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG HỢP TÁC XÃ

Mục 1. Thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng hợp tác xã

Điều 10. Điều kiện thành lập chi nhánh

1. Có nhu cầu thành lập chi nhánh để phục vụ các quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn dự kiến thành lập chi nhánh.
2. Có giá trị thực vốn điều lệ tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị không thấp hơn mức vốn pháp định.
3. Hoạt động kinh doanh có lãi theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập chi nhánh.
4. Không vi phạm quy định về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước liên tục trong 12 tháng đến thời điểm đề nghị.
5. Thực hiện đúng các quy định về phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro theo quy định của Ngân hàng Nhà nước tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước năm đề nghị và tại thời điểm gần nhất thời điểm đề nghị; tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước năm đề nghị và tại thời điểm đề nghị không vượt quá 3% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.
6. Tại thời điểm đề nghị, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có số lượng và cơ cấu theo đúng quy định của pháp luật, không bị khuyết Tổng Giám đốc.
7. Tại thời điểm đề nghị, ngân hàng hợp tác xã có kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ bảo đảm tuân thủ quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật có liên quan.
8. Có quy chế về quản lý mạng lưới theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.
9. Không thuộc đối tượng bị áp dụng biện pháp không được mở rộng mạng lưới theo quy định của pháp luật về xử lý sau thanh tra, giám sát đối với các tổ chức tín dụng.
10. Đảm bảo số lượng chi nhánh theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 7 Thông tư này.

Điều 11. Điều kiện thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước và văn phòng đại diện ở nước ngoài

Ngân hàng hợp tác xã đề nghị thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước và văn phòng đại diện ở nước ngoài phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 5, 6, 7, 8, 9 Điều 10 Thông tư này.

Điều 12. Điều kiện thành lập phòng giao dịch

1. Điều kiện đối với ngân hàng hợp tác xã:
 - a) Có nhu cầu thành lập phòng giao dịch để đáp ứng nhu cầu điều hòa vốn và hỗ trợ cho các hoạt động của các quỹ tín dụng nhân dân thành viên trên địa bàn;

b) Đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 Điều 10 Thông tư này.

2. Điều kiện đối với chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch:

a) Có thời gian hoạt động tối thiểu 12 tháng tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị;

b) Có tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tại thời điểm 31 tháng 12 năm trước năm đề nghị và tại thời điểm đề nghị không vượt quá 3% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ;

c) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng bằng hình thức phạt tiền trong thời hạn 12 tháng trước thời điểm đề nghị;

d) Phòng giao dịch được đề nghị thành lập phải nằm trên địa bàn hoạt động của chi nhánh;

đ) Đảm bảo số lượng phòng giao dịch theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 7.

Điều 13. Hồ sơ đề nghị chấp thuận thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước, văn phòng đại diện ở nước ngoài

1. Văn bản của ngân hàng hợp tác xã đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp theo mẫu Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Nghị quyết của Đại hội thành viên hoặc Nghị quyết của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ của ngân hàng hợp tác xã về việc thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.

3. Đề án thành lập có tối thiểu các nội dung sau:

a) Đối với thành lập chi nhánh, phòng giao dịch:

(i) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt; tên viết tắt bằng tiếng Việt; địa chỉ;

(ii) Lý do, nhu cầu thành lập và lý do lựa chọn địa bàn thành lập;

(iii) Cơ cấu tổ chức: Sơ đồ tổ chức của chi nhánh, phòng giao dịch;

(iv) Dự kiến nhân sự chủ chốt (Giám đốc, Phó Giám đốc, Trưởng phòng giao dịch, Trưởng các bộ phận chuyên môn hoặc chức danh tương đương);

(v) Tên, địa điểm của chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch; việc đáp ứng các điều kiện của chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư này (trường hợp thành lập phòng giao dịch);

(vi) Nghiên cứu khả thi: Phân tích môi trường kinh doanh, thị trường mục tiêu, các cơ hội kinh doanh và kế hoạch chiếm lĩnh thị trường, nhu cầu phục vụ quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn;

(vii) Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 năm đầu, trong đó tối thiểu bao gồm: nội dung hoạt động, đối tượng khách hàng chính, dự kiến bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, căn cứ xây dựng phương án và thuyết minh khả năng thực hiện phương án trong từng năm.

b) Đối với thành lập đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện:

- (i) Đối với việc thành lập đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện ở trong nước:
- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt, tên viết tắt bằng tiếng Việt, địa chỉ, nội dung hoạt động;
 - Lý do, nhu cầu thành lập;
 - Dự kiến nhân sự chủ chốt (Giám đốc, Phó Giám đốc, Trưởng các bộ phận chuyên môn hoặc chức danh tương đương);
 - Kế hoạch hoạt động dự kiến trong 03 năm đầu.
- (ii) Đối với việc thành lập văn phòng đại diện ở nước ngoài:
- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài, tên viết tắt bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài (nếu có);
 - Địa điểm: tên quốc gia và địa chỉ cụ thể (nếu có);
 - Lý do, nhu cầu thành lập và lý do lựa chọn nước nơi đặt trụ sở văn phòng đại diện;
 - Thông tin pháp lý có liên quan: Liệt kê các quy định có liên quan của nước nơi đặt trụ sở văn phòng đại diện về việc cho phép tổ chức tín dụng nước ngoài thành lập văn phòng đại diện (tên, số hiệu, ngày tháng của văn bản).

Điều 14. Trình tự chấp thuận thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước, văn phòng đại diện ở nước ngoài

1. Ngân hàng hợp tác xã lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 13 Thông tư này gửi Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng).

2. Đối với đề nghị thành lập chi nhánh, phòng giao dịch trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 13 Thông tư này:

a) Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi lấy ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về sự cần thiết và việc đặt trụ sở chi nhánh ngân hàng hợp tác xã trên địa bàn;

b) Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản gửi lấy ý kiến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi ngân hàng hợp tác xã dự kiến thành lập chi nhánh, phòng giao dịch^[5] về sự cần thiết có thêm chi nhánh, phòng giao dịch trên địa bàn; việc đáp ứng điều kiện đối với chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch (trong trường hợp thành lập phòng giao dịch).

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Ngân hàng Nhà nước, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, các đơn vị tại khoản 2 Điều này có ý kiến tham gia bằng văn bản về các nội dung được đề nghị.

4. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ ý kiến tham gia của các đơn vị tại khoản 2 Điều này hoặc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước, văn phòng đại diện ở nước ngoài, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận việc ngân hàng hợp tác xã thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.

5. Trong thời hạn 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của ngân hàng hợp tác xã đề nghị thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, Ngân hàng Nhà nước có văn

bản chấp thuận hoặc không chấp thuận việc ngân hàng hợp tác xã thành lập chi nhánh, phòng giao dịch; các trường hợp không chấp thuận, văn bản nêu rõ lý do.

Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận, ngân hàng hợp tác xã phải khai trương hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch. Quá thời hạn này, văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước đương nhiên hết hiệu lực.

6. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của ngân hàng hợp tác xã đề nghị thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước, văn phòng đại diện ở nước ngoài, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận việc ngân hàng hợp tác xã thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước, văn phòng đại diện ở nước ngoài; trường hợp không chấp thuận, văn bản nêu rõ lý do.

Trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận, ngân hàng hợp tác xã phải khai trương hoạt động văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước, văn phòng đại diện ở nước ngoài. Quá thời hạn này, văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước đương nhiên hết hiệu lực.

Mục 2. Khai trương hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng hợp tác xã

Điều 15. Khai trương hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch

1. Yêu cầu khai trương hoạt động chi nhánh:

a) Có quyền sở hữu hoặc sử dụng hợp pháp trụ sở chi nhánh; trụ sở phải đảm bảo lưu trữ chứng từ, thuận tiện và an toàn cho giao dịch, tài sản, có đầy đủ hệ thống đảm bảo an ninh, bảo vệ, hệ thống cấp điện, liên lạc duy trì liên tục, đáp ứng yêu cầu phòng, chống cháy nổ;

b) Trụ sở chi nhánh có kho tiền đảm bảo an toàn theo tiêu chuẩn quy định của Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp ngân hàng hợp tác xã hiện có hơn 01 chi nhánh trên cùng địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, ngân hàng hợp tác xã phải có tối thiểu 01 chi nhánh có kho tiền theo tiêu chuẩn quy định của Ngân hàng Nhà nước và phải chịu trách nhiệm chuyển tiền của các chi nhánh không có kho tiền về chi nhánh có kho tiền theo quy định nội bộ của ngân hàng hợp tác xã;

c) Chi nhánh có hệ thống công nghệ thông tin kết nối trực tuyến với trụ sở chính; đảm bảo hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu hoạt động liên tục, an toàn, bảo mật cho các hoạt động nghiệp vụ;

d) Chi nhánh có đầy đủ nhân sự điều hành gồm Giám đốc Chi nhánh hoặc chức danh tương đương và đội ngũ cán bộ nghiệp vụ;

đ) Giám đốc chi nhánh hoặc các chức danh tương đương đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của ngân hàng hợp tác xã.

2. Yêu cầu khai trương hoạt động phòng giao dịch:

a) Có quyền sở hữu hoặc sử dụng hợp pháp trụ sở phòng giao dịch; trụ sở phải đảm bảo lưu trữ chứng từ, thuận tiện và an toàn cho giao dịch, tài sản, có đầy đủ hệ thống đảm bảo an ninh, bảo vệ, hệ thống cấp điện, liên lạc duy trì liên tục, đáp ứng yêu cầu phòng, chống cháy nổ;

- b) Phòng giao dịch tối thiểu phải có kết quỹ đảm bảo an toàn;
- c) Có hệ thống công nghệ thông tin kết nối trực tuyến với chi nhánh quản lý; đảm bảo hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu hoạt động liên tục, an toàn, bảo mật cho các hoạt động nghiệp vụ;
- d) Có đầy đủ nhân sự điều hành gồm Trưởng phòng giao dịch hoặc chức danh tương đương và đội ngũ cán bộ nghiệp vụ;
- đ) Trưởng phòng giao dịch hoặc các chức danh tương đương đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của ngân hàng hợp tác xã.

3. Ngân hàng hợp tác xã có văn bản thông báo về việc đã đáp ứng các yêu cầu khai trương hoạt động quy định tại khoản 1 (trường hợp khai trương hoạt động chi nhánh), khoản 2 (trường hợp khai trương hoạt động phòng giao dịch) Điều này ít nhất 15 ngày trước ngày dự kiến khai trương hoạt động gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh[6] nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của ngân hàng hợp tác xã, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh[7] kiểm tra, đình chỉ việc khai trương hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch của ngân hàng hợp tác xã khi chưa đáp ứng các yêu cầu và yêu cầu ngân hàng hợp tác xã hoàn thiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.[8]

5. Ngân hàng hợp tác xã thực hiện việc đăng ký hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch theo quy định của pháp luật.

6. Ngân hàng hợp tác xã tiến hành khai trương chi nhánh, phòng giao dịch sau khi đã hoàn tất thủ tục theo quy định tại khoản 5 Điều này và việc công bố thông tin theo quy định tại Điều 24 Thông tư này.

Điều 16. Khai trương hoạt động văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp

1. Ngân hàng hợp tác xã quyết định việc khai trương hoạt động văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước và có văn bản thông báo Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng), Ngân hàng Nhà nước chi nhánh[9] nơi đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước chậm nhất 14 ngày làm việc trước ngày khai trương hoạt động.

2. Ngân hàng hợp tác xã tiến hành khai trương hoạt động văn phòng đại diện ở nước ngoài theo quy định của pháp luật nước ngoài và có văn bản thông báo Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) chậm nhất 14 ngày làm việc trước ngày khai trương hoạt động.

3. Ngân hàng hợp tác xã thực hiện đăng ký hoạt động văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật.

Mục 3. Thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp; thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch của ngân hàng hợp tác xã

Điều 17. Thay đổi tên chi nhánh

Ngân hàng hợp tác xã quyết định việc thay đổi tên chi nhánh và có văn bản thông báo Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng), Ngân

hàng Nhà nước chi nhánh[10] nơi đặt trụ sở chi nhánh việc thay đổi này trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định thay đổi.

Điều 18. Thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh

1. Ngân hàng hợp tác xã thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh (bao gồm cả trường hợp thay đổi địa điểm trước khi khai trương hoạt động) phải đáp ứng:

a) Về điều kiện:

(i) Ngân hàng hợp tác xã chỉ được thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh trong phạm vi địa bàn hoạt động của chi nhánh đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận;

(ii) Các điều kiện quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 15 Thông tư này.

b) Về hồ sơ:

(i) Văn bản của ngân hàng hợp tác xã đề nghị chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, trong đó báo cáo rõ việc đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a khoản này và nêu cụ thể địa điểm đặt trụ sở chi nhánh;

(ii) Nghị quyết của Đại hội thành viên hoặc Nghị quyết của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ về việc thông qua thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh;

(iii) Các tài liệu chứng minh việc đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a khoản này.

2.[11] Trình tự:

a) Ngân hàng hợp tác xã lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh kiểm tra địa điểm dự kiến đặt trụ sở chi nhánh và có văn bản gửi ngân hàng hợp tác xã chấp thuận hoặc không chấp thuận việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh; trường hợp không chấp thuận, văn bản phải nêu rõ lý do.

3. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước chi nhánh[12] có văn bản chấp thuận, chi nhánh của ngân hàng hợp tác xã phải hoạt động theo địa điểm đã được chấp thuận. Quá thời hạn này, chi nhánh của ngân hàng hợp tác xã không hoạt động theo địa điểm đã được chấp thuận, văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh[13] đương nhiên hết hiệu lực.

4.[14] Trường hợp thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chi nhánh do thay đổi địa giới hành chính (không thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh), ngân hàng hợp tác xã có văn bản đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh xác nhận thay đổi địa chỉ. Văn bản đề nghị của ngân hàng hợp tác xã phải gửi kèm các tài liệu chứng minh hoặc xác nhận của cơ quan quản lý hành chính nhà nước có thẩm quyền về việc thay đổi địa chỉ nêu trên.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị theo quy định nêu trên, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh có văn bản gửi ngân hàng hợp tác xã xác nhận việc thay đổi địa chỉ trụ sở chi nhánh.

Điều 19. Thay đổi tên phòng giao dịch

Ngân hàng hợp tác xã quyết định việc thay đổi tên phòng giao dịch và có văn bản thông báo Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng), Ngân hàng Nhà nước chi nhánh[15] nơi đặt trụ sở phòng giao dịch việc thay đổi này trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định thay đổi.

Điều 20. Thay đổi địa điểm đặt trụ sở phòng giao dịch

1. Ngân hàng hợp tác xã thay đổi địa điểm đặt trụ sở phòng giao dịch (bao gồm cả trường hợp thay đổi địa điểm trước khi khai trương hoạt động) phải đáp ứng:

a) Về điều kiện:

(i) Ngân hàng hợp tác xã chỉ được thay đổi địa điểm đặt trụ sở phòng giao dịch trong phạm vi địa bàn hoạt động của phòng giao dịch đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

(ii) Các điều kiện quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 15 Thông tư này.

b) Về hồ sơ:

(i) Văn bản của ngân hàng hợp tác xã đề nghị chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở phòng giao dịch, trong đó báo cáo rõ việc đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a khoản này và nêu cụ thể địa điểm đặt trụ sở phòng giao dịch;

(ii) Nghị quyết của Hội đồng quản trị hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền của ngân hàng hợp tác xã theo quy định tại Điều lệ về việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở phòng giao dịch;

(iii) Các tài liệu chứng minh việc đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a khoản này.

2. Trình tự:

a) Ngân hàng hợp tác xã lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh[16] nơi đặt trụ sở phòng giao dịch;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh[17] nơi đặt trụ sở phòng giao dịch tiến hành kiểm tra địa điểm dự kiến đặt trụ sở phòng giao dịch và có văn bản gửi ngân hàng hợp tác xã chấp thuận hoặc không chấp thuận việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở phòng giao dịch; trường hợp không chấp thuận, văn bản phải nêu rõ lý do.[18]

3. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước chi nhánh[19] có văn bản chấp thuận phòng giao dịch của ngân hàng hợp tác xã phải đi vào hoạt động theo địa điểm đã được chấp thuận. Quá thời hạn này, phòng giao dịch của ngân hàng hợp tác xã không hoạt động theo địa điểm đã được chấp thuận, văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh[20] đương nhiên hết hiệu lực.

4. Trường hợp thay đổi địa chỉ đặt trụ sở phòng giao dịch do thay đổi địa giới hành chính (không thay đổi địa điểm đặt trụ sở phòng giao dịch), ngân hàng hợp tác xã có văn bản đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh[21] xác nhận thay đổi địa chỉ. Văn bản đề nghị của ngân hàng hợp tác xã gửi kèm các tài liệu chứng minh hoặc xác nhận của cơ quan quản lý hành chính nhà nước có thẩm quyền về việc thay đổi địa chỉ nêu trên.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị theo quy định nêu trên, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh[22] nơi đặt trụ sở phòng giao dịch có văn bản gửi ngân hàng hợp tác xã xác nhận việc thay đổi địa chỉ trụ sở phòng giao dịch.

Điều 21. Thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước, văn phòng đại diện ở nước ngoài

1. Ngân hàng hợp tác xã quyết định việc thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước, văn phòng đại diện ở nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài.

2. Ngân hàng hợp tác xã có văn bản thông báo Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh[23] nơi đặt văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước về việc thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định thay đổi.

Trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước khác địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, ngân hàng hợp tác xã có văn bản thông báo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh[24] nơi đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp trước đây và nơi đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp mới.

3. Ngân hàng hợp tác xã có văn bản thông báo Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) về việc văn phòng đại diện ở nước ngoài thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định thay đổi.

Điều 22. Thay đổi tên chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước, văn phòng đại diện ở nước ngoài trong trường hợp tổ chức lại ngân hàng hợp tác xã

Việc thay đổi tên chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước, văn phòng đại diện ở nước ngoài trong trường hợp tổ chức lại ngân hàng hợp tác xã thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về tổ chức lại tổ chức tín dụng.

Điều 23. Thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch

Ngân hàng hợp tác xã quyết định việc thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch khi đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư này và có văn bản thông báo gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh[25] nơi đặt trụ sở chi nhánh đang quản lý phòng giao dịch và chi nhánh nhận quản lý phòng giao dịch trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định thay đổi.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của ngân hàng hợp tác xã về việc thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh[26] nơi đặt trụ sở chi nhánh nhận quản lý phòng giao dịch kiểm tra, yêu cầu ngân hàng hợp tác xã không thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch khi chi nhánh nhận quản lý phòng giao dịch không đáp ứng điều kiện quy định tại Thông tư này.

Điều 24. Công bố thông tin

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi tên chi nhánh, phòng giao dịch và kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh[27] chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, địa điểm đặt trụ sở phòng giao dịch, ngân hàng hợp tác xã thực hiện công bố trên phương tiện thông tin của Ngân hàng Nhà nước và một tờ báo viết hàng ngày trong 03 số liên tiếp hoặc báo điện tử của Việt Nam và thông báo cho các quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc trước ngày dự kiến khai trương hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, ngân hàng hợp tác xã thực hiện công bố trên phương tiện thông tin của Ngân hàng Nhà nước và một tờ báo viết hàng ngày trong 03 số liên tiếp hoặc báo điện tử của Việt Nam và thông báo cho các quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn.

Mục 4. Chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng hợp tác xã

Điều 25. Chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp

1. Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp chấm dứt hoạt động, giải thể trong các trường hợp sau:

- a) Đương nhiên chấm dứt hoạt động, giải thể;
- b) Tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể;
- c) Bắt buộc chấm dứt hoạt động, giải thể.

2. Văn phòng đại diện ở nước ngoài của ngân hàng hợp tác xã chấm dứt hoạt động, giải thể theo quy định pháp luật của nước nơi đặt trụ sở văn phòng đại diện.

3. Ngân hàng hợp tác xã chịu trách nhiệm:

a) Giải quyết tài sản, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích liên quan của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước, văn phòng đại diện ở nước ngoài chấm dứt hoạt động, giải thể theo quy định của pháp luật;

b) Lưu trữ chứng từ, tài liệu, hồ sơ của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước, văn phòng đại diện ở nước ngoài chấm dứt hoạt động, giải thể và các văn bản liên quan đến việc chấm dứt hoạt động, giải thể;

c) Thực hiện các thủ tục pháp lý chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước, văn phòng đại diện ở nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Đương nhiên chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp

1. Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước, văn phòng đại diện ở nước ngoài đương nhiên chấm dứt hoạt động, giải thể trong trường hợp ngân hàng hợp tác xã chấm dứt hoạt động, giải thể.

2. Thủ tục đương nhiên chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước, văn phòng đại diện ở nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện ở trong nước

1. Hồ sơ tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch:

a) Văn bản của ngân hàng hợp tác xã đề nghị chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, trong đó nêu rõ: lý do chấm dứt hoạt động, giải thể; tên, địa chỉ của chi nhánh, phòng giao dịch chấm dứt hoạt động, giải thể và cam kết giải quyết các tài sản, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích liên quan của chi nhánh, phòng giao dịch chấm dứt hoạt động, giải thể;

b) Nghị quyết của Đại hội thành viên hoặc Nghị quyết của Hội đồng quản trị ngân hàng hợp tác xã theo quy định tại Điều lệ về việc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch.

2. Trình tự tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh:

a) Ngân hàng hợp tác xã lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng);

b) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị của ngân hàng hợp tác xã; trường hợp không chấp thuận, văn bản nêu rõ lý do.

3. Trình tự tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể phòng giao dịch:

a) Ngân hàng hợp tác xã lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh[28] nơi đặt trụ sở phòng giao dịch;

b) Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh[29] nơi đặt trụ sở phòng giao dịch có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị của ngân hàng hợp tác xã; trường hợp không chấp thuận, văn bản phải nêu rõ lý do.

4. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày có văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước về việc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh[30] về việc chấm dứt hoạt động, giải thể phòng giao dịch, ngân hàng hợp tác xã phải tiến hành các thủ tục pháp lý theo quy định của pháp luật để chấm dứt hoạt động, giải thể của chi nhánh, phòng giao dịch và có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh đối với chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh[31] nơi đặt trụ sở phòng giao dịch đối với chấm dứt hoạt động, giải thể phòng giao dịch về thời điểm cụ thể và kết quả chấm dứt hoạt động, giải thể.

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt hoạt động, giải thể văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, ngân hàng hợp tác xã phải có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng), Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chính của ngân hàng hợp tác xã, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, trong đó nêu rõ lý do, ngày chấm dứt hoạt động, giải thể.

Điều 28. Bắt buộc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện ở trong nước

1. Thông đốc Ngân hàng Nhà nước có thẩm quyền bắt buộc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện ở trong nước của ngân hàng hợp tác xã.

2. Chi nhánh, phòng giao dịch, đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện ở trong nước của ngân hàng hợp tác xã bị bắt buộc chấm dứt hoạt động, giải thể khi có bằng chứng chứng minh hồ sơ đề nghị thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện ở trong nước không đáp ứng đủ điều kiện thành lập.

3. Khi phát hiện trường hợp theo quy định tại khoản 2 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh[\[32\]](#) nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện ở trong nước của ngân hàng hợp tác xã có văn bản nêu rõ lý do gửi Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) đề nghị chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng hợp tác xã.

4. Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh hoặc trong quá trình thanh tra, giám sát phát hiện trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trình Thông đốc Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu ngân hàng hợp tác xã chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện ở trong nước.

5. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu ngân hàng hợp tác xã chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện ở trong nước, ngân hàng hợp tác xã phải hoàn tất việc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện ở trong nước; có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước thời điểm cụ thể và kết quả chấm dứt hoạt động, giải thể.

6. Trường hợp có khiếu nại đối với yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước về việc bắt buộc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện ở trong nước, ngân hàng hợp tác xã thực hiện các thủ tục khiếu nại theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 29. Chấm dứt hoạt động, giải thể văn phòng đại diện ở nước ngoài

1. Ngân hàng hợp tác xã thực hiện chấm dứt hoạt động, giải thể văn phòng đại diện ở nước ngoài theo quy định của pháp luật nước ngoài và các quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam.

2. Trong thời hạn 14 ngày làm việc trước ngày chấm dứt hoạt động, giải thể văn phòng đại diện ở nước ngoài, ngân hàng hợp tác xã phải có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng), Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chính của ngân hàng hợp tác xã, trong đó nêu rõ lý do và thời điểm chấm dứt hoạt động, giải thể.

Điều 30. Công bố thông tin

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện ở trong nước, văn phòng đại diện ở nước ngoài (trừ trường hợp đương nhiên chấm dứt hoạt động, giải thể theo quy định tại Điều 26 Thông tư này), ngân hàng hợp tác xã thực hiện công bố và niêm yết công khai việc chấm dứt hoạt động, giải thể trên trang thông tin điện tử,

tại trụ sở chính, trụ sở chi nhánh quản lý phòng giao dịch (trường hợp chấm dứt hoạt động, giải thể phòng giao dịch) của ngân hàng hợp tác xã, đăng báo trung ương, địa phương và thông báo cho các quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn (trừ trường hợp chấm dứt hoạt động, giải thể văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp). Nội dung công bố, niêm yết công khai tối thiểu bao gồm:

1. Tên, địa chỉ của chi nhánh, phòng giao dịch, đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện ở trong nước, văn phòng đại diện ở nước ngoài chấm dứt hoạt động, giải thể.
2. Thời điểm chấm dứt hoạt động, giải thể.
3. Trách nhiệm của ngân hàng hợp tác xã về tài sản, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích liên quan của chi nhánh, phòng giao dịch, đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện ở trong nước, văn phòng đại diện ở nước ngoài chấm dứt hoạt động, giải thể.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN

Mục 1. Thành lập phòng giao dịch, khai trương hoạt động, thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân

Điều 31. Điều kiện thành lập phòng giao dịch

1. Quỹ tín dụng nhân dân được xếp loại khá trở lên theo quy định của Ngân hàng Nhà nước của năm trước năm đề nghị và kết quả thanh tra, giám sát, kiểm toán độc lập tại thời điểm đề nghị (nếu có).
2. Kinh doanh có lãi theo báo cáo tài chính được kiểm toán độc lập của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập phòng giao dịch hoặc kết quả kinh doanh có lãi theo báo cáo tài chính trong trường hợp quy định của Ngân hàng Nhà nước chưa yêu cầu phải thực hiện kiểm toán độc lập.
3. Không vi phạm quy định về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân theo quy định của Ngân hàng Nhà nước liên tục trong 12 tháng trước thời điểm đề nghị.
4. Thực hiện đúng các quy định về phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro theo quy định của Ngân hàng Nhà nước tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước năm đề nghị và tại thời điểm gần nhất thời điểm đề nghị.
5. Tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước năm liền kề năm đề nghị và tại thời điểm đề nghị không vượt quá 3% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.
6. Tại thời điểm đề nghị, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có số lượng và cơ cấu theo đúng quy định của pháp luật, không bị khuyết Giám đốc.
7. Tại thời điểm đề nghị, quỹ tín dụng nhân dân có kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ bảo đảm tuân thủ quy định tại Luật Các Tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành.

8. Không thuộc đối tượng bị áp dụng biện pháp không được mở rộng mạng lưới theo quy định của pháp luật về xử lý sau thanh tra, giám sát đối với các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

9. Đảm bảo số lượng phòng giao dịch theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư này.

10. Có quy chế về quản lý mạng lưới theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.

Điều 32. Hồ sơ đề nghị chấp thuận thành lập phòng giao dịch

1. Văn bản của quỹ tín dụng nhân dân đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh chấp thuận thành lập phòng giao dịch theo mẫu Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Nghị quyết Đại hội thành viên hoặc nghị quyết của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ về việc thành lập phòng giao dịch.

3. Đề án thành lập phòng giao dịch, trong đó phải có tối thiểu các nội dung sau:

a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt; tên viết tắt bằng tiếng Việt; địa chỉ; nội dung hoạt động (nội dung hoạt động phải phù hợp với quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước); đối tượng khách hàng chính;

b) Lý do thành lập và lý do lựa chọn địa bàn thành lập;

c) Cơ cấu tổ chức: Sơ đồ tổ chức của phòng giao dịch;

d) Dự kiến nhân sự chủ chốt (Trưởng phòng giao dịch, Trưởng các bộ phận chuyên môn hoặc chức danh tương đương);

đ) Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 năm đầu, trong đó tối thiểu bao gồm: dự kiến bảng cân đối kế toán; báo cáo kết quả kinh doanh; căn cứ xây dựng phương án và thuyết minh khả năng thực hiện phương án trong từng năm.

Điều 33. Trình tự chấp thuận thành lập phòng giao dịch

1. Quỹ tín dụng nhân dân lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 32 Thông tư này gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 32 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản gửi lấy ý kiến các đơn vị sau:

a) Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã) nơi quỹ tín dụng nhân dân dự kiến đặt trụ sở phòng giao dịch về sự cần thiết và địa điểm dự kiến đặt trụ sở phòng giao dịch;

b) [\[33\]](#) (được bãi bỏ).

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, các đơn vị tại khoản 2 Điều này có ý kiến tham gia bằng văn bản về nội dung được đề nghị.

4. Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 32 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận việc quỹ tín dụng nhân dân thành lập phòng giao dịch; trường hợp không chấp thuận, văn bản phải nêu rõ lý do.

5. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày có văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, quỹ tín dụng nhân dân phải khai trương hoạt động phòng giao dịch đã được chấp thuận thành lập. Quá thời hạn này, văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đương nhiên hết hiệu lực.

Điều 34. Khai trương hoạt động phòng giao dịch

1. Yêu cầu khai trương hoạt động:

a) Có quyền sở hữu hoặc sử dụng hợp pháp trụ sở phòng giao dịch; trụ sở phải thuận tiện và an toàn cho giao dịch, tài sản, có đầy đủ hệ thống đảm bảo an ninh, bảo vệ, hệ thống cấp điện, liên lạc duy trì liên tục, đáp ứng yêu cầu phòng, chống cháy nổ;

b) Có kết quỹ đảm bảo an toàn;

c) Có hệ thống công nghệ thông tin quản lý, kết nối đảm bảo khả năng kiểm soát hiệu quả của trụ sở chính đối với phòng giao dịch;

d) Phòng giao dịch có đầy đủ nhân sự điều hành tối thiểu gồm Trưởng phòng giao dịch hoặc chức danh tương đương và đội ngũ cán bộ nghiệp vụ.

Trưởng phòng giao dịch hoặc các chức danh tương đương của quỹ tín dụng nhân dân đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của quỹ tín dụng nhân dân.

2. Quỹ tín dụng nhân dân gửi văn bản thông báo tới Ngân hàng Nhà nước chi nhánh về việc đã đáp ứng các yêu cầu khai trương hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này ít nhất 15 ngày trước ngày dự kiến khai trương hoạt động.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của quỹ tín dụng nhân dân, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh kiểm tra, đình chỉ việc khai trương hoạt động phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân khi chưa đáp ứng các yêu cầu và yêu cầu quỹ tín dụng nhân dân hoàn thiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Quỹ tín dụng nhân dân thực hiện việc đăng ký hoạt động phòng giao dịch theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Quỹ tín dụng nhân dân tiến hành khai trương phòng giao dịch sau khi đã hoàn tất thủ tục theo quy định tại khoản 4 Điều này và việc công bố thông tin quy định tại Điều 37 Thông tư này.

Điều 35. Thay đổi tên phòng giao dịch

Quỹ tín dụng nhân dân quyết định việc thay đổi tên phòng giao dịch và có văn bản thông báo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh [\[34\]](#) việc thay đổi này trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày quyết định thay đổi.

Điều 36. Thay đổi địa điểm đặt trụ sở phòng giao dịch

1. Quỹ tín dụng nhân dân thay đổi địa điểm đặt trụ sở phòng giao dịch phải đáp ứng:

a) Về điều kiện:

(i) Quỹ tín dụng nhân dân chỉ được thay đổi địa điểm đặt trụ sở phòng giao dịch trong phạm vi địa bàn hoạt động được quy định tại Giấy phép thành lập và hoạt động quỹ tín dụng nhân dân do Ngân hàng Nhà nước cấp và quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư này;

(ii) Các điều kiện quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 34 Thông tư này.

b) Về hồ sơ:

(i) Văn bản của quỹ tín dụng nhân dân đề nghị chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở phòng giao dịch, trong đó báo cáo rõ việc đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a khoản này và nêu cụ thể địa điểm đặt trụ sở phòng giao dịch;

(ii) Nghị quyết của Đại hội thành viên hoặc Nghị quyết của Hội đồng quản trị quỹ tín dụng nhân dân theo quy định tại Điều lệ thông qua việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở phòng giao dịch;

(iii) Các tài liệu chứng minh việc đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

2. Trình tự:

a) Quỹ tín dụng nhân dân lập 01 bộ hồ sơ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh kiểm tra địa điểm dự kiến đặt trụ sở phòng giao dịch và có văn bản gửi quỹ tín dụng nhân dân chấp thuận hoặc không chấp thuận việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở phòng giao dịch; trường hợp không chấp thuận, văn bản phải nêu rõ lý do.

3. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản chấp thuận, phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân phải hoạt động theo địa điểm đã được chấp thuận. Quá thời hạn này, phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân không hoạt động tại địa điểm đã được chấp thuận, văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đương nhiên hết hiệu lực.

4. Đối với trường hợp thay đổi địa chỉ đặt trụ sở phòng giao dịch do thay đổi địa giới hành chính (không thay đổi địa điểm đặt trụ sở phòng giao dịch) và đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư này, quỹ tín dụng nhân dân lập và gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận thay đổi gồm:

a) Văn bản của quỹ tín dụng nhân dân đề nghị thay đổi địa chỉ đặt trụ sở phòng giao dịch, trong đó nêu rõ lý do thay đổi địa chỉ;

b) Văn bản chứng minh hoặc xác nhận của cơ quan quản lý hành chính nhà nước có thẩm quyền về việc thay đổi địa chỉ nêu trên.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định nêu trên, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản gửi quỹ tín dụng nhân dân chấp thuận việc thay đổi địa chỉ trụ sở phòng giao dịch.

Điều 37. Công bố thông tin

Trong thời hạn 07 ngày làm việc trước ngày dự kiến khai trương hoạt động phòng giao dịch, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi tên phòng giao dịch hoặc kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh về việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở phòng giao dịch, quỹ tín dụng nhân dân phải thực hiện công bố trên phương tiện thông tin của Ngân hàng Nhà nước và một tờ báo viết hàng ngày trong 03 số liên tiếp hoặc báo điện tử của Việt Nam và niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, thông báo trên đài phát thanh xã về việc khai trương hoạt động, thay đổi tên, trụ sở phòng giao dịch.

Mục 2. Chấm dứt hoạt động, giải thể phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân

Điều 38. Chấm dứt hoạt động, giải thể phòng giao dịch

1. Phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân chấm dứt hoạt động, giải thể trong các trường hợp sau:

- a) Đương nhiên chấm dứt hoạt động, giải thể;
- b) Tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể;
- c) Bắt buộc chấm dứt hoạt động, giải thể.

2. Quỹ tín dụng nhân dân chịu trách nhiệm:

a) Giải quyết tài sản, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích liên quan của phòng giao dịch chấm dứt hoạt động, giải thể theo quy định của pháp luật;

b) Lưu trữ chứng từ, tài liệu, hồ sơ của phòng giao dịch chấm dứt hoạt động, giải thể và các văn bản liên quan đến việc chấm dứt hoạt động, giải thể;

c) Thực hiện các thủ tục pháp lý chấm dứt hoạt động, giải thể phòng giao dịch theo quy định của pháp luật.

Điều 39. Đương nhiên chấm dứt hoạt động, giải thể phòng giao dịch

1. Phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân đương nhiên chấm dứt hoạt động trong trường hợp quỹ tín dụng nhân dân chấm dứt hoạt động, giải thể.

2. Thủ tục đương nhiên chấm dứt hoạt động, giải thể phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 40. Tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể phòng giao dịch

1. Hồ sơ tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể phòng giao dịch gồm:

a) Văn bản của quỹ tín dụng nhân dân đề nghị chấm dứt hoạt động, giải thể phòng giao dịch trong đó nêu rõ: lý do chấm dứt hoạt động, giải thể; tên, địa chỉ của phòng giao dịch chấm dứt hoạt động, giải thể và cam kết giải quyết các tài sản, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích liên quan của phòng giao dịch chấm dứt hoạt động, giải thể;

b) Nghị quyết Đại hội thành viên hoặc Nghị quyết của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ quỹ tín dụng nhân dân về việc chấm dứt hoạt động, giải thể phòng giao dịch;

2. [\[35\]](#) Trình tự tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể phòng giao dịch:

a) Quỹ tín dụng nhân dân lập 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh;

b) Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị của quỹ tín dụng nhân dân; trường hợp không chấp thuận, văn bản phải nêu rõ lý do.

3. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày có văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, quỹ tín dụng nhân dân phải tiến hành các thủ tục pháp lý theo quy định của pháp luật để chấm dứt hoạt động, giải thể của phòng giao dịch và có văn

bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh về thời điểm cụ thể và kết quả chấm dứt hoạt động, giải thể.

Điều 41. Bắt buộc chấm dứt hoạt động, giải thể phòng giao dịch

1. Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có thẩm quyền bắt buộc chấm dứt hoạt động, giải thể phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân.

2. Phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân bị bắt buộc chấm dứt hoạt động, giải thể khi có bằng chứng chứng minh hồ sơ đề nghị thành lập phòng giao dịch không đáp ứng đủ điều kiện thành lập.

3. Khi phát hiện trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có ngay văn bản nêu rõ lý do gửi quỹ tín dụng nhân dân yêu cầu chấm dứt hoạt động, giải thể phòng giao dịch.[\[36\]](#)

4. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản yêu cầu chấm dứt hoạt động, giải thể phòng giao dịch, quỹ tín dụng nhân dân phải hoàn tất việc chấm dứt hoạt động, giải thể phòng giao dịch; có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thời điểm cụ thể và kết quả chấm dứt hoạt động, giải thể.

5. Trường hợp có khiếu nại đối với yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh về việc bắt buộc chấm dứt hoạt động, giải thể phòng giao dịch, quỹ tín dụng nhân dân thực hiện các thủ tục khiếu nại theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 42. Công bố thông tin

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt hoạt động, giải thể phòng giao dịch (trừ trường hợp đương nhiên chấm dứt hoạt động, giải thể theo Điều 39 Thông tư này), quỹ tín dụng nhân dân phải thực hiện công bố và niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, thông báo trên đài phát thanh xã về việc chấm dứt hoạt động, giải thể phòng giao dịch. Nội dung công bố, niêm yết công khai tối thiểu bao gồm:

1. Tên, địa chỉ của phòng giao dịch chấm dứt hoạt động, giải thể.

2. Thời điểm chấm dứt hoạt động, giải thể.

3. Trách nhiệm của quỹ tín dụng nhân dân về tài sản, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích liên quan của phòng giao dịch chấm dứt hoạt động, giải thể.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 43. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng là hợp tác xã

1. Có kế hoạch phát triển chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước, văn phòng đại diện ở nước ngoài trình cấp có thẩm quyền của tổ chức tín dụng là hợp tác xã thông qua hằng năm.

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của các thông tin, tài liệu cung cấp tại hồ sơ.

3. Thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

Điều 44. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi tổ chức tín dụng là hợp tác xã đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng hợp tác xã[\[37\]](#)

1. Chịu trách nhiệm trước Thống đốc Ngân hàng Nhà nước khi thực hiện các nhiệm vụ theo thẩm quyền được quy định tại Thông tư này.

2. Phối hợp với Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến tổ chức, hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng hợp tác xã trên địa bàn.

3. Thực hiện nhiệm vụ quản lý, thanh tra, giám sát hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch, đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện của ngân hàng hợp tác xã trên địa bàn theo quy định tại Thông tư này và các văn bản khác có liên quan của Ngân hàng Nhà nước.

4. Có văn bản báo cáo và đề xuất Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng hợp tác xã khi xảy ra một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 25 Thông tư này.

Điều 45. Trách nhiệm của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng

1. Chịu trách nhiệm trước Thống đốc Ngân hàng Nhà nước khi thực hiện các nhiệm vụ theo thẩm quyền được quy định tại Thông tư này.

2. Là đầu mối thực hiện nhiệm vụ thanh tra và giám sát hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và đơn vị sự nghiệp của ngân hàng hợp tác xã[\[38\]](#) theo quy định tại Thông tư này và các văn bản khác có liên quan của Ngân hàng Nhà nước.

3. Có ý kiến với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh[\[39\]](#) về các đề nghị liên quan đến thành lập, chấm dứt hoạt động, giải thể phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn theo quy định tại Thông tư này và cung cấp thông tin về kết quả giám sát, thanh tra, kiểm tra; kết quả xử lý sau giám sát, thanh tra, kiểm tra liên quan đến phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn theo quy chế phối hợp công tác giữa Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh[\[40\]](#).

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[\[41\]](#)

Điều 46. Quy định chuyển tiếp

1. Ngân hàng hợp tác xã được phép duy trì số lượng chi nhánh, phòng giao dịch hiện có, số lượng phòng giao dịch hiện có do một chi nhánh quản lý, không phải điều chỉnh theo quy định tại Thông tư này. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, các chi nhánh, phòng giao dịch hiện có của ngân hàng hợp tác xã phải hoàn tất yêu cầu theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 15 Thông tư này.

2. Quỹ tín dụng nhân dân được phép duy trì số lượng phòng giao dịch trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, không phải điều chỉnh theo quy định tại Thông tư này, trừ trường hợp trái với quy định của pháp luật hiện hành về địa bàn

hoạt động. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, phòng giao dịch hiện có của quỹ tín dụng nhân dân phải hoàn tất yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Thông tư này.

3. Phòng giao dịch của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân có các hợp đồng tín dụng được ký kết trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành và phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm ký kết được tiếp tục thực hiện theo các hợp đồng đã ký kết cho đến hết thời hạn của hợp đồng. Việc sửa đổi, bổ sung các hợp đồng này chỉ được thực hiện nếu nội dung sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan.

4. Đối với các quỹ tiết kiệm, điểm giao dịch được thành lập theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành, trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân phải hoàn tất việc điều chỉnh như sau:

a) Đối với ngân hàng hợp tác xã:

(i) Ngân hàng hợp tác xã chuyển đổi quỹ tiết kiệm, điểm giao dịch thành phòng giao dịch trên cơ sở đáp ứng các điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục về việc thành lập và khai trương hoạt động phòng giao dịch tại Thông tư này;

(ii) Trường hợp ngân hàng hợp tác xã không chuyển đổi quỹ tiết kiệm, điểm giao dịch theo quy định tại điểm này, ngân hàng hợp tác xã tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể quỹ tiết kiệm, điểm giao dịch và chịu trách nhiệm như quy định tại khoản 3 Điều 25 Thông tư này và có văn bản báo cáo Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng) nơi đặt quỹ tiết kiệm, điểm giao dịch.

Trường hợp quá thời hạn 12 tháng kể từ khi Thông tư này có hiệu lực thi hành, ngân hàng hợp tác xã không tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể quỹ tiết kiệm, điểm giao dịch, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có thẩm quyền bắt buộc chấm dứt hoạt động, giải thể quỹ tiết kiệm, điểm giao dịch theo các nội dung như sau:

- Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng nơi đặt quỹ tiết kiệm, điểm giao dịch báo cáo Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng). Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản báo cáo, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có văn bản bắt buộc ngân hàng hợp tác xã chấm dứt hoạt động, giải thể quỹ tiết kiệm, điểm giao dịch.

- Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng nơi đặt quỹ tiết kiệm, điểm giao dịch có trách nhiệm kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện văn bản của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản bắt buộc nêu trên, ngân hàng hợp tác xã phải hoàn tất việc chấm dứt hoạt động, giải thể quỹ tiết kiệm, điểm giao dịch và có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước thời điểm cụ thể và kết quả chấm dứt hoạt động, giải thể. Ngân hàng hợp tác xã chịu trách nhiệm đối với quỹ tiết kiệm, điểm giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Thông tư này.

(iii) Ngân hàng hợp tác xã phải đảm bảo việc chuyển đổi quỹ tiết kiệm, điểm giao dịch không gây xáo trộn hoạt động, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan.

b) Đối với quỹ tín dụng nhân dân:

(i) Quỹ tín dụng nhân dân chuyển đổi quỹ tiết kiệm được thành lập trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành thành phòng giao dịch trên cơ sở đáp ứng các điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục về việc thành lập và khai trương hoạt động phòng giao dịch tại Thông tư này và phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan;

(ii) Trường hợp quỹ tín dụng nhân dân chuyển đổi điểm giao dịch được thành lập trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành thành điểm giới thiệu dịch vụ, quỹ tín dụng nhân dân có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng và chính quyền địa phương;

(iii) Trường hợp quỹ tín dụng nhân dân không chuyển đổi quỹ tiết kiệm được thành lập trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành thành phòng giao dịch và không chuyển đổi điểm giao dịch thành điểm giới thiệu dịch vụ, quỹ tín dụng nhân dân tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể quỹ tiết kiệm, điểm giao dịch và chịu trách nhiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Thông tư này.

Trường hợp quá thời hạn 12 tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, quỹ tín dụng nhân dân không tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể quỹ tiết kiệm, điểm giao dịch được thành lập trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có thẩm quyền bắt buộc chấm dứt hoạt động, giải thể quỹ tiết kiệm, điểm giao dịch theo các nội dung như sau:

- Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có ngay văn bản bắt buộc chấm dứt hoạt động, giải thể quỹ tiết kiệm, điểm giao dịch và kiểm tra, giám sát quỹ tín dụng nhân dân thực hiện văn bản này.

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản bắt buộc nêu trên, quỹ tín dụng nhân dân phải hoàn tất việc chấm dứt hoạt động, giải thể quỹ tiết kiệm, điểm giao dịch và có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thời điểm cụ thể và kết quả chấm dứt hoạt động, giải thể. Quỹ tín dụng nhân dân chịu trách nhiệm đối với quỹ tiết kiệm, điểm giao dịch như quy định tại khoản 2 Điều 38 Thông tư này.

(iv) Quỹ tín dụng nhân dân phải đảm bảo việc chuyển đổi quỹ tiết kiệm, điểm giao dịch không gây xáo trộn hoạt động, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 47. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2018.

2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, các quy định tại các văn bản sau đây hết hiệu lực:

a) Khoản 3 Điều 1; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 2; các Điều 12, 13, 14, 15, 16; khoản 2, khoản 3 Điều 41; Quy định về chấp thuận việc mở, chấm dứt hoạt động của sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng giao dịch, điểm giao dịch, quỹ tiết kiệm của quỹ tín dụng nhân dân tại Điều 3, khoản 1 Điều 40 Quy chế cấp, thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động quỹ tín dụng nhân dân; mở, chấm dứt hoạt động sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện và phòng giao dịch, điểm giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập quỹ tín dụng nhân dân; thanh lý quỹ tín dụng nhân dân dưới sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước ban hành kèm theo

Quyết định số 24/2006/QĐ-NHNN ngày 06/06/2006 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

b) Khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8 Điều 1; Quy định về việc mở, chấm dứt hoạt động sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng giao dịch, quỹ tiết kiệm, điểm giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân tại khoản 1, khoản 3 Điều 1; Quy định về sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng giao dịch, quỹ tiết kiệm, điểm giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 26/2008/QĐ-NHNN ngày 09/9/2008 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cấp, thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động quỹ tín dụng nhân dân; mở, chấm dứt hoạt động sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện và phòng giao dịch, điểm giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập quỹ tín dụng nhân dân; thanh lý quỹ tín dụng nhân dân dưới sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 24/2006/QĐ-NHNN ngày 06/6/2006 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

c) Quy định về thay đổi địa điểm đặt trụ sở sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện của Quỹ tín dụng nhân dân trung ương tại Điều 11, Điều 13 Quy định về trình tự, thủ tục thực hiện những thay đổi của Quỹ tín dụng nhân dân phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận ban hành kèm theo Quyết định số 05/2007/QĐ-NHNN ngày 30/01/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Điều 48. Tổ chức thực hiện

Chánh văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban và thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng là hợp tác xã có trách nhiệm thực hiện Thông tư này./.

PHỤ LỤC SỐ 01

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2018/TT-NHNN ngày 30/3/2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

NGÂN HÀNG HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số:.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THÀNH LẬP CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH; CHẤP THUẬN THÀNH LẬP VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP Ở TRONG NƯỚC, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN Ở NƯỚC NGOÀI CỦA NGÂN HÀNG HỢP TÁC XÃ

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước
(Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng)

Ngân hàng hợp tác xã đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận thành lập chi nhánh, phòng giao dịch; chấp thuận thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; văn phòng đại diện ở nước ngoài như sau:

I. Đơn vị mạng lưới đề nghị

1. Thành lập chi nhánh:

1.1. Tên chi nhánh.

- a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt;
- b) Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có);
- c) Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có);
- d) Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có).

1.2. Địa điểm đặt trụ sở chi nhánh.

2. Thành lập phòng giao dịch:

Tên phòng giao dịch đề nghị thành lập	Dự kiến địa điểm đặt trụ sở	Tên, địa điểm đặt trụ sở chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch
a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt; b) Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có); c) Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có); d) Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có).		

3. Thành lập đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện:

3.1. Tên đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện;

3.2. Địa điểm đặt trụ sở đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện.

II. Đánh giá việc ngân hàng hợp tác xã đáp ứng từng điều kiện để được thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước và văn phòng đại diện ở nước ngoài theo quy định tại Thông tư

1. Giá trị thực của vốn điều lệ tại thời điểm 31 tháng 12 năm trước liền kề năm đề nghị:

2. Lợi nhuận sau thuế năm theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán:.....

3. Tuân thủ quy định về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước liên tục trong 12 tháng trước thời điểm đề nghị

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

4. Phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro và tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm 31 tháng 12 năm trước liền kề năm đề nghị và thời điểm đề nghị (theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm trước năm đề nghị và thời điểm gần nhất thời điểm đề nghị (nếu có)):

	Thời điểm 31/12 năm trước	Thời điểm đề nghị/gần nhất thời điểm đề nghị
Dự phòng chung phải trích		
Dự phòng chung thực trích		
Dự phòng cụ thể phải trích		
Dự phòng cụ thể thực trích		
Tỷ lệ nợ xấu (%)		

5. Đến thời điểm đề nghị, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của ngân hàng có số lượng và cơ cấu đảm bảo theo quy định của pháp luật, không bị khuyết Tổng giám đốc

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Đại diện vốn góp (tên tổ chức, tỷ lệ vốn góp/vốn điều lệ)	Chức danh (Chủ tịch, thành viên)	Tên người có liên quan tham gia Hội đồng quản trị của TCTD
1.				
2.				

- Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh (Trưởng ban, thành viên, thành viên chuyên trách)
1.		
2.		

- Họ và tên Tổng giám đốc:...

6. Chứng minh tại thời điểm đề nghị, ngân hàng hợp tác xã có bộ phận kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ bảo đảm tuân thủ Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành.

7. Không thuộc đối tượng bị áp dụng biện pháp không được mở rộng mạng lưới theo quy định của pháp luật về xử lý sau thanh tra, giám sát đối với các TCTD và chi nhánh ngân hàng nước ngoài

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

8. Đáp ứng điều kiện về số lượng chi nhánh, phòng giao dịch được phép thành lập theo quy định tại Thông tư:

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

9. Có đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Thông tư:

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

10. Đối với trường hợp thành lập phòng giao dịch:

Số lượng chi nhánh, phòng giao dịch hiện có tại địa bàn đề nghị thành lập phòng giao dịch		Thông tin liên quan đến chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch				
Chi nhánh	Phòng giao dịch	Tên và địa chỉ chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch	Số lượng phòng giao dịch chi nhánh đang quản lý	Thời gian hoạt động (tháng)	Tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tại thời điểm 31 tháng 12 năm trước năm liền kề năm đề nghị và tại thời điểm đề nghị (%)	Vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng bằng hình thức phạt tiền trong thời hạn 12 tháng trước thời điểm đề nghị (có/không)

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Đánh giá của Ngân hàng hợp tác xã đối với Chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch.

III. Người đại diện hợp pháp của ngân hàng hợp tác xã cam kết: Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin cung cấp tại văn bản này.

Đính kèm hồ sơ (Ghi danh mục tài liệu đính kèm)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
NGÂN HÀNG HỢP TÁC XÃ**
(Ký tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC SỐ 02

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2018/TT-NHNN ngày 30/3/2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số:.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm.....

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THÀNH LẬP PHÒNG GIAO DỊCH CỦA QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN....

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh/thành phố.....

Quỹ tín dụng nhân dân đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh/thành phố chấp thuận thành lập phòng giao dịch như sau:

I. Thành lập phòng giao dịch:

1. Tên phòng giao dịch:

- a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt;
- b) Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có).

2. Địa điểm đặt trụ sở phòng giao dịch.

II. Đánh giá việc Quỹ tín dụng nhân dân đáp ứng từng điều kiện để được thành lập phòng giao dịch theo quy định tại Thông tư

1. Mức xếp loại khả trở lên theo quy định của Ngân hàng Nhà nước của năm trước năm đề nghị và kết quả thanh tra, giám sát, kiểm toán độc lập tại thời điểm đề nghị (nếu có).

2. Lợi nhuận sau thuế năm theo báo cáo kiểm toán (trong trường hợp Ngân hàng Nhà nước quy định phải kiểm toán độc lập) hoặc theo báo cáo tài chính (trong trường hợp Ngân hàng Nhà nước chưa quy định phải kiểm toán độc lập):

3. Tuân thủ quy định về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước liên tục trong 12 tháng trước thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

4. Phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro và tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm 31 tháng 12 năm trước liền kề năm đề nghị và tại thời điểm đề nghị (theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm trước năm đề nghị và thời điểm gần nhất thời điểm đề nghị (nếu có)):

	Thời điểm 31/12 năm trước	Thời điểm đề nghị/gần nhất thời điểm đề nghị
Dự phòng chung phải trích		
Dự phòng chung thực trích		

Dự phòng cụ thể phải trích		
Dự phòng cụ thể thực trích		
Tỷ lệ nợ xấu (%)		

5. Đến thời điểm đề nghị, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của quỹ tín dụng nhân dân có số lượng và cơ cấu đảm bảo theo quy định của pháp luật, không bị khuyết Giám đốc.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức danh (Chủ tịch, thành viên)	Tên người có liên quan tham gia Hội đồng quản trị của TCTD
1.			
2.			

- Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh (Trưởng ban, thành viên, thành viên chuyên trách)
1.		
2.		

- Họ và tên Giám đốc:...

6. Chứng minh tại thời điểm đề nghị, Quỹ tín dụng nhân dân có bộ phận kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ bảo đảm tuân thủ Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành.

7. Không thuộc đối tượng bị áp dụng biện pháp không được mở rộng mạng lưới theo quy định của pháp luật về xử lý sau thanh tra, giám sát đối với các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

8. Đáp ứng điều kiện về số lượng phòng giao dịch được phép thành lập theo quy định tại Thông tư:

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

9. Có đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Thông tư:

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

III. Người đại diện hợp pháp của Quỹ tín dụng nhân dân cam kết:
Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin cung cấp tại văn bản này.

Đính kèm hồ sơ (Ghi danh mục tài liệu đính kèm)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN
(Ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Cổng thông tin điện tử NHNN;
- Lưu VP, PC3.

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

**KT. THÔNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC**

Đoàn Thái Sơn

[\[1\]](#) Thông tư số 27/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng.”

[\[2\]](#) Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư số 27/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.

[\[3\]](#) Cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng” được thay thế bằng cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh” theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 4 của Thông tư số 27/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.

[\[4\]](#) Cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng” được thay thế bằng cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh” theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 4 của Thông tư số 27/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.

[\[5\]](#) Cụm từ “(trừ tỉnh, thành phố nơi có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng)” được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 4 của Thông tư số 27/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.

[\[6\]](#) Cụm từ “Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng)” được thay thế bằng cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh” theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 4 của Thông tư số 27/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.

[7] Cụm từ “Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng)” được thay thế bằng cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh” theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 4 của Thông tư số 27/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.

[8] Cụm từ “Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (nơi có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng) cử cán bộ tham gia đoàn kiểm tra việc đáp ứng điều kiện về kho quỹ bảo đảm an toàn theo tiêu chuẩn quy định của Ngân hàng Nhà nước” được bãi bỏ theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 4 của Thông tư số 27/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.

[9] Cụm từ “Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng)” được thay thế bằng cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh” theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 4 của Thông tư số 27/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.

[10] Cụm từ “Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng)” được thay thế bằng cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh” theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 4 của Thông tư số 27/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.

[11] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 4 của Thông tư số 27/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.

[12] Cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng” được thay thế bằng cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh” theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 4 của Thông tư số 27/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.

[13] Cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng” được thay thế bằng cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh” theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 4 của Thông tư số 27/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.

[14] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 4 của Thông tư số 27/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.

[15] Cụm từ “Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng)” được thay thế bằng cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh” theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 4 của Thông tư số 27/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.

[16] Cụm từ “Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng)” được thay thế bằng cụm từ “Ngân hàng Nhà

nước chi nhánh” theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 4 của Thông tư số 27/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.

[\[17\]](#) Cụm từ “Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng)” được thay thế bằng cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh” theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 4 của Thông tư số 27/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.

[\[18\]](#) Cụm từ “Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (nơi có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng) cử cán bộ tham gia đoàn kiểm tra việc đáp ứng điều kiện về kho tiền bảo đảm an toàn theo tiêu chuẩn quy định của Ngân hàng Nhà nước đối với địa điểm dự kiến đặt trụ sở phòng giao dịch trong trường hợp trụ sở phòng giao dịch của ngân hàng hợp tác xã có kho tiền” được bãi bỏ theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 4 của Thông tư số 27/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.

[\[19\]](#) Cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng” được thay thế bằng cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh” theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 4 của Thông tư số 27/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.

[\[20\]](#) Cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng” được thay thế bằng cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh” theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 4 của Thông tư số 27/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.

[\[21\]](#) Cụm từ “Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng)” được thay thế bằng cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh” theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 4 của Thông tư số 27/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.

[\[22\]](#) Cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh hoặc Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng” được thay thế bằng cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh” theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 4 của Thông tư số 27/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.

[\[23\]](#) Cụm từ “Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng)” được thay thế bằng cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh” theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 4 của Thông tư số 27/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.

[\[24\]](#) Cụm từ “Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng)” được thay thế bằng cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh” theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 4 của Thông tư số 27/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.

[25] Cụm từ “Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng)” được thay thế bằng cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh” theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 4 của Thông tư số 27/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.

[26] Cụm từ “Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng)” được thay thế bằng cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh” theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 4 của Thông tư số 27/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.

[27] Cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh hoặc Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng” được thay thế bằng cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh” theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 4 của Thông tư số 27/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.

[28] Cụm từ “Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng)” được thay thế bằng cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh” theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 4 của Thông tư số 27/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.

[29] Cụm từ “Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng)” được thay thế bằng cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh” theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 4 của Thông tư số 27/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.

[30] Cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh hoặc Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng” được thay thế bằng cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh” theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 4 của Thông tư số 27/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.

[31] Cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh và Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng” được thay thế bằng cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh” theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 4 của Thông tư số 27/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.

[32] Cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng)” được thay thế bằng cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh” theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 4 của Thông tư số 27/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.

[33] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều 4 của Thông tư số 27/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.

[34] Cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh và Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng (nơi có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng)” được thay thế bằng cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh” theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 4 của Thông tư số 27/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.

[35] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 4 của Thông tư số 27/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.

[36] Cụm từ “Đối với tỉnh, thành phố nơi có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng, trong quá trình thanh tra, giám sát phát hiện trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh chấm dứt hoạt động, giải thể phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản nêu rõ lý do gửi quỹ tín dụng nhân dân yêu cầu chấm dứt hoạt động, giải thể phòng giao dịch” được bãi bỏ theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 4 của Thông tư số 27/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.

[37] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 4 của Thông tư số 27/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.

[38] Cụm từ “trên địa bàn tỉnh, thành phố nơi có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng” được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 4 của Thông tư số 27/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.

[39] Cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (nơi có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng)” được thay thế bằng cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh” theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 4 của Thông tư số 27/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.

[40] Cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (nơi có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng)” được thay thế bằng cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh” theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 4 của Thông tư số 27/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.

[41] Điều 6 và Điều 7 của Thông tư số 27/2022/TT-NHNN ngày 3/12/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023 quy định như sau:

“Điều 6. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, các tổ chức tín dụng có trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Điều 7. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 3 năm 2023./.”